

127. KINH A-NA-LUẬT

(*Anuruddha Sutta*)¹

229. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, chỗ tinh xá của ông Anāthapiṇḍika. Rồi thợ mộc Pañcakaṅga² bảo một người:

– Hãy đến, này người kia, hãy đi đến Tôn giả Anuruddha, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: “Bạch Tôn giả, thợ mộc Pañcakaṅga cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa: ‘Mong rằng Tôn giả Anuruddha cùng ba vị nữa,³ ngày mai nhận lời dùng bữa ăn của thợ mộc Pañcakaṅga. Mong rằng Tôn giả Anuruddha đến thật sớm, vì thợ mộc Pañcakaṅga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua.’”

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp thợ mộc Pañcakaṅga, đi đến Tôn giả Anuruddha, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Anuruddha rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa Tôn giả Anuruddha:

– Thợ mộc Pañcakaṅga cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa như sau: “Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha với ba vị nữa ngày mai đến dùng bữa ăn của thợ mộc Pañcakaṅga. Bạch Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha đến cho thật sớm, vì thợ mộc Pañcakaṅga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua.”

Tôn giả Anuruddha im lặng nhận lời.

230. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ thợ mộc Pañcakaṅga, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi thợ mộc Pañcakaṅga tự tay mời mọc và làm cho thỏa mãn Tôn giả Anuruddha với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Và sau khi Tôn giả Anuruddha đã ăn xong, đã cất tay khỏi bình bát, thợ mộc Pañcakaṅga lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pañcakaṅga thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Ở đây, thưa Tôn giả, các trưởng lão Tỷ-kheo đến và nói như sau: “Này gia chủ, hãy tu tập Vô lượng tâm giải thoát.” Có một số vị trưởng lão lại nói

¹ Kinh tương đương trong bộ Trung A-hàm kinh là Hữu Thắng thiên kinh 有勝天經 (T.01. 0026.79. 0549b03).

² Pañcakaṅga. Xem M. I. 386.

³ Attacatuttho. Xem M. I. 383.

như sau: “Này gia chủ, hãy tu tập Đại hành tâm giải thoát.”⁴ Bạch Tôn giả, Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm giải thoát, các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa chỉ khác biệt về văn?⁵

– Này gia chủ, hãy nói lên những điều gì ông nghĩ về vấn đề này, nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở thành xác thật cho ông.

– Thưa Tôn giả, con nghĩ như sau: “Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm giải thoát, các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn.”

– Này gia chủ, Vô lượng tâm giải thoát và Đại hành tâm giải thoát, những pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn. Do vậy, này cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

Và này cư sĩ, thế nào là Vô lượng tâm giải thoát? Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới; vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hạn, không sân; với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả... quảng đại, vô biên, không hạn, không sân. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Vô lượng tâm giải thoát.

231. Này cư sĩ, thế nào là Đại hành tâm giải thoát? Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thẩm nhuần⁶ lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thẩm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thẩm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thẩm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thẩm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]. Như vậy, này cư sĩ, được gọi là Đại hành tâm giải thoát. Do vậy, này cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn này, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa, vừa khác văn.

232. Này cư sĩ, có bốn hữu sanh này (*bhavūpapattiyo*: Bốn sự sanh khởi

⁴ *Mahaggata*, chữ này với chữ *Appamāṇa* có liên hệ với *Brahmavihāra*, nghĩa là Phạm trú hay Bốn vô lượng tâm.

⁵ *M. I. 297.*

⁶ Về *pharivā adhimuccitvā*, xem *MLS. III. xx.*

cho một đời sống mới). Thế nào là bốn? Ở đây, này cư sĩ, có người, với hào quang hạn lượng (*parittābhā*) an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiểu Quang thiên. Ở đây, này cư sĩ, có người với hào quang vô lượng, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Vô Lượng Quang thiên. Ở đây, này cư sĩ, có người với hào quang tạp nhiễm, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Tạp Nhiễm Quang thiên. Ở đây, này cư sĩ, có người với hào quang thanh tịnh, an trú, biến mãn và thấm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Biến Tịnh Quang thiên. Này cư sĩ, có bốn loại hữu sanh này.

Có thời, này cư sĩ, chư thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. Ví như, này cư sĩ, có người cầm nhiều cây đèn dầu đi vào trong một nhà. Khi các cây đèn dầu ấy được đem vào trong nhà, có thấy sự sai khác về ngọn lửa, nhưng không có thấy sự sai khác về ánh sáng. Cũng vậy, này cư sĩ, có thời chư thiên kia tập hợp tại một chỗ. Khi các vị này tập hợp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang. Có thời, này cư sĩ, chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang. Ví như, này cư sĩ, có người đem nhiều cây đèn dầu ra khỏi ngôi nhà kia, khi các cây đèn dầu ấy được đem ra khỏi ngôi nhà kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về ánh sáng. Cũng vậy, này cư sĩ, có thời chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Này cư sĩ, chư thiên ấy không có nghĩ: “Đây là thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi.” Nhưng chỗ nào chư thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư thiên ấy sống trong thoải mái. Ví như, này cư sĩ, khi các con ruồi bị mang đi trong đòn gánh hay trong cái giỏ, chúng nó không có nghĩ: “Đây là sự thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi.” Nhưng chỗ nào, chỗ nào các con ruồi kia an trú, tại chỗ ấy, các con ruồi ấy sống trong thoải mái. Cũng vậy, này cư sĩ, chư thiên ấy không có nghĩ: “Đây là thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi.” Nhưng chỗ nào, chỗ nào chư thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư thiên ấy sống trong thoải mái.

233. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccāna⁷ thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Tốt lành thay, Tôn giả Anuruddha! Ở đây, tôi có câu này cần phải hỏi thêm. Thưa Tôn giả, chư thiên có hào quang, tất cả đều có hào quang có hạn lượng? Hay là ở đây có một số chư thiên có hào quang vô lượng?

⁷ Có chỗ gọi là *Sabhiya Kaccāna*. Xem DPPN; S. IV. 401; KS. IV. 292, n. 3.

– Nay Hiền giả Kaccāna,⁸ tùy theo trường hợp, ở đây một số chư thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng ở đây cũng có một số chư thiên có hào quang vô lượng.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, dầu cho chư thiên ấy được sanh khởi trong một thiên chúng, lại có một số chư thiên có hào quang hạn lượng và có một số chư thiên khác có hào quang vô lượng?

– Nay Hiền giả Kaccāna, ở đây ta sẽ hỏi Hiền giả. Nếu Hiền giả kham nhẫn, Hiền giả sẽ trả lời. Nay Hiền giả Kaccāna, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo, cho đến một gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccāna, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccāna, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccāna, Tỷ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả Anuruddha, Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba đại vương quốc,

⁸ *Tadaṅgena*. MĀ. IV. 202 giải thích: *Tassā bhavūpapattiya āṅgena*, tùy theo tánh sanh khởi của chúng làm thành một đời sống mới.

an trú, biến mãn và thâm nhuần rộng lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccāna, Hiền giả nghĩ thế nào? Tỷ-kheo, cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thâm nhuần rộng lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền]; và Tỷ-kheo, cho đến dải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thâm nhuần rộng lớn cho đến như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo, cho đến dải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thâm nhuần rộng lớn như vậy [trong khi tu thiền], trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccāna, do nhân này, do duyên này, giữa các chư thiên ấy được sanh khởi trong một thiên chúng, có một số chư thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng có một số chư thiên có hào quang vô lượng.

234. – Lành thay, Tôn giả Anuruddha! Tôi có một câu cần phải hỏi thêm nữa. Thưa Tôn giả, về hào quang của chư thiên, có phải tất cả hào quang là tạp nhiễm hay có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh?

– Tùy theo trường hợp, nay Hiền giả Kaccāna, ở đây có một số chư thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng ở đây cũng có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, trong chư thiên ấy được sanh khởi trong một thiên chúng, có một số hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh?

– Nay Hiền giả Kaccāna, ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói. Ví như, nay Hiền giả Kaccāna, một cây đèn đang cháy với dầu không được sạch sẽ, với tim đèn cũng không được sạch sẽ. Vì dầu không được sạch sẽ và cũng vì tim đèn không được sạch sẽ, nên cây đèn cháy rất lu mờ. Cũng vậy, nay Hiền giả Kaccāna, ở đây, có Tỷ-kheo an trú, biến mãn và thâm nhuần với hào quang tạp nhiễm. Thân tâm hạnh⁹ của vị ấy không được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên không được khéo đoạn trừ, trạo cử hồi quá không được khéo nhiếp phục. Vì không được khéo chấm dứt thân tâm hạnh, vì không khéo đoạn trừ hôn trầm thụy miên, vì không khéo nhiếp phục trạo cử hồi quá, nên vị ấy được cháy lên¹⁰ một cách lu mờ. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư thiên có hào quang tạp nhiễm. Ví như, nay Hiền giả Kaccāna, một ngọn đèn dầu được đốt cháy, với dầu sạch sẽ và với tim đèn cũng được sạch sẽ. Do dầu được sạch sẽ và cũng do

⁹ *Kāyaduṭṭhulla*. MA. IV. 202 còn gọi là *kāyālasīyabhāvo*, nghĩa là sự uế oải, lười biếng của thân. Ở đây có thể chỉ cho *kāmacchanda*, nghĩa là tham dục, 1 trong 5 triền cái.

¹⁰ *Jhāyati* có hai nghĩa: Đốt cháy và thiền tập. Nghĩa chữ đầu xuất phát từ Sanskrit là *Kṣāyati*, và nghĩa chữ sau là *dhīyati*. Tuy nhiên, MA. IV. 202 giải thích *jhāyati* là trạng thái thiền định hay đốt cháy của vị Tăng, vì *jalati* có nghĩa là đốt cháy, tỏa sáng. Trong trường hợp nói về thiền định, *jhāna* là một trạng thái lóe sáng trong tâm thức, sự siêu huy những gì cần từ bỏ, xóa sạch hết đề ảnh sáng thanh tịnh có thể tỏa sáng khắp nơi.

tim đèn được sạch sẽ nên cây đèn ấy được cháy không có mù mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccāna, ở đây, Tỷ-kheo an trú, biến mãn và thấm nhuần với hào quang thanh tịnh. Thân tâm hạnh của vị này được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục. Do thân tâm hạnh được khéo chấm dứt, do hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, do trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục, nên vị ấy được cháy lên không có mù mờ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư thiên có hào quang thanh tịnh.

Này Hiền giả Kaccāna, do nhân này, do duyên này, giữa chư thiên ấy sanh khởi cùng trong một thiên chúng, có một số chư thiên có hào quang tạt nhiễm, nhưng có một số chư thiên có hào quang thanh tịnh.

235. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccāna thưa với Tôn giả Anuruddha:

– Thật lành thay, Tôn giả Anuruddha! Thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha không có nói như sau: “Như vậy tôi nghe” hay “Sự việc đáng phải như vậy.”¹¹ Trái lại, thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha chỉ nói: “Chư thiên này là như vậy và chư thiên kia là như vậy.” Thưa Tôn giả, tôi nghĩ như sau: “Tôn giả Anuruddha chắc chắn đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư thiên ấy.”

– Này Hiền giả Kaccāna, lời nói này của Hiền giả đến gần như thử thách ta phải tuyên bố,¹² nhưng ta sẽ trả lời cho Hiền giả. Này Hiền giả Kaccāna, đã từ lâu, ta đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư thiên ấy.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccāna nói với thợ mộc Paṇcakaṅga:

– Thật lợi ích thay cho ông, này cư sĩ, rằng ông đã đoạn trừ được điều nghi ngờ từ trước, và cũng được dịp nghe pháp môn này.

¹¹ *Evaṃ arahati bhavitum.*

¹² *Āsajja upanīya vācā bhāsītā.* Xem A. I. 172; GS. I. 156.